

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 32



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Thùy	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 30/05/2017)
Bà Vũ Cẩm La Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Quách Mạnh Hòa	Thành viên Hội đồng Quản trị (bỏ nhiệm ngày 30/05/2017)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Cẩm La Hương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2017

Số: 312/VACO/BCSX.NV2

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12/08/2017, từ trang 04 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các vấn đề khác

Như trình bày tại Thuyết minh số 15 - Lợi thế thương mại của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: Trong kỳ, Công ty đã nhận chuyển nhượng thêm cổ phiếu tăng tỷ lệ sở hữu để đạt được quyền kiểm soát của Công ty tại Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax - Công ty con từ ngày 20/06/2017; giá giao dịch trung bình là 23.741,42 VND/cổ phiếu, theo đó tổng giá trị lợi thế thương mại phát sinh trong giao dịch là 566.339.206.060 VND.

Như trình bày tại Thuyết minh số 34 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: Theo Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐQT ngày 29/03/2017 của Hội đồng Quản trị về việc sửa đổi phương án sử dụng vốn đã được phê duyệt tại Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/03/2017.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Các vấn đề khác (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 35 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 là kỳ đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Do đó, số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán của công ty mẹ với ý kiến chấp nhận toàn phần; Kết quả kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ cùng kỳ năm trước của công ty mẹ đã được soát xét với ý kiến chấp nhận toàn phần, các báo cáo này được thực hiện bởi công ty kiểm toán khác; và Thuyết minh số 14 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: Báo cáo tài chính của các công ty liên doanh, liên kết chưa được kiểm toán.



Bùi Ngọc Bình
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0657-2015-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		443.626.853.967	42.692.196.242
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	213.803.505.064	2.225.444.575
1. Tiền	111		213.803.505.064	2.225.444.575
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		186.617.414.780	40.466.751.667
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	4.501.263.400	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	56.144.882.645	40.000.000.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	42.500.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	83.471.268.735	466.751.667
III. Hàng tồn kho	140	9	9.780.943.089	-
1. Hàng tồn kho	141		9.780.943.089	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		33.424.991.034	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	33.424.991.034	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.014.440.415.731	284.886.927.645
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		17.100.279.685	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	17.100.279.685	-
II. Tài sản cố định	220		126.945.264.002	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	72.843.732.030	-
- Nguyên giá	222		78.439.588.657	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.595.856.627)	-
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	54.101.531.972	-
- Nguyên giá	228		60.358.273.812	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.256.741.840)	-
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	13	9.803.520.429	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9.803.520.429	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	224.818.530.000	284.853.700.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		224.307.000.000	284.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		599.100.000	853.700.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(87.570.000)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		635.772.821.615	33.227.645
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	73.789.821.268	33.227.645
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		363.287.671	-
3. Lợi thế thương mại	269	15	561.619.712.676	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.458.067.269.698	327.579.123.887

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		879.763.980.836	3.002.518.673
I. Nợ ngắn hạn	310		811.406.998.362	3.002.518.673
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	43.447.302.085	3.000.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		26.259.274.504	50.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	39.089.750.203	2.785.479.887
4. Phải trả người lao động	314		28.268.759.570	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	77.262.182.834	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	163.104.741.763	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	260.311.050.656	164.038.786
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	173.663.936.747	-
II. Nợ dài hạn	330		68.356.982.474	-
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19	67.940.261.154	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	416.721.320	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		578.303.288.862	324.576.605.214
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	578.303.288.862	324.576.605.214
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		313.010.600.000	313.010.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		313.010.600.000	313.010.600.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		140.630.225.590	11.566.005.214
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.566.005.214	(298.875.129)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		129.064.220.376	11.864.880.343
3. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		124.662.463.272	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.458.067.269.698	327.579.123.887



Vũ Cẩm La Hương
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Mạnh Phú
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		83.977.005.926	11.598.970.340
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		434.500.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	23	83.542.505.926	11.598.970.340
4. Giá vốn hàng bán	11	24	16.830.298.377	11.525.270.440
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		66.712.207.549	73.699.900
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	100.037.485.102	1.393.489.882
7. Chi phí tài chính	22	26	556.030.055	228.194.338
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		263.713.443	6.611.576
8. Chi phí bán hàng	25	27	14.239.968.912	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	6.755.457.765	727.497.338
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		145.198.235.919	511.498.106
11. Thu nhập khác	31		39.011.531	-
12. Chi phí khác	32		116.401	9
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		38.895.130	(9)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		145.237.131.049	511.498.097
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	11.823.994.890	42.524.595
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		133.413.136.159	468.973.502
16.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		129.064.220.376	468.973.502
16.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		4.348.915.783	-
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	4.123,32	74,43



Vũ Cẩm La Hương
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Mạnh Phú
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
 Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	192.637.250.008	12.496.867.365
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(43.042.652.527)	(12.839.248.946)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(471.195.090)	(268.620.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(129.539.076)	(6.611.576)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(2.785.230.592)	(106.270.711)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	40.189.066.732	1.407.487.231
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(3.659.363.383)	(882.872.769)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	182.738.336.072	(199.269.406)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.207.150.909)	(24.414.894.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	366.300.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(74.912.640.000)	(804.500.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	159.111.203.190	316.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(199.852.100.000)	(11.643.191.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	24.450.595.480	32.189.091.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.094.519	68.745.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(94.031.697.720)	(4.288.749.000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	233.618.468.126	35.445.912.563
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(110.747.045.989)	(36.323.132.914)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	122.871.422.137	(877.220.351)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	211.578.060.489	(5.365.238.757)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.225.444.575	30.694.690.503
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	213.803.505.064	25.329.451.746



Vũ Cẩm La Hương
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105824156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/03/2012, thay đổi lần thứ 7 ngày 21/03/2017. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 313.010.600.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, Tòa tháp A, Tòa nhà Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Đại lý, môi giới, đầu giá: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);
- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: Tư vấn du học; Tư vấn giáo dục; Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; Dịch vụ kiểm tra giáo dục; Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém; Các khóa dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục mầm non;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Không có hoạt động đặc biệt nào của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Cấu trúc doanh nghiệp**Công ty con:**

1. Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax (từ ngày 20/06/2017).

Danh sách các Công ty liên kết:

1. Công ty Cổ phần Studynet;
2. Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy;
3. Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Igarten;
4. Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax Academy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con (các đơn vị mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết (kiểm soát) và được xác định sẽ nắm giữ lâu dài (trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính), hoạt động của các đơn vị được hợp nhất không bị hạn chế trong thời gian dài.

Danh sách các công ty con, công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo này gồm:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
I	Công ty con				
1	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax (i)	Tp. Hà Nội	68,91%	68,91%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
II	Công ty liên kết				
1	Công ty Cổ phần Studynet	Tp. Hà Nội	33,76%	49,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
2	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	Tp. Hà Nội	31,01%	45,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
3	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Igarten	Tp. Hà Nội	28,25%	41,00%	Giáo dục mầm non
4	Công ty cổ phần Anh Ngữ Apax Academy	Tp. Hà Nội	33,76%	49,00%	Giáo dục tiểu học, trung học phổ thông

Ghi chú: (i) Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax trở thành công ty con của Công ty từ ngày 20/06/2017, theo đó số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 20/06/2017 đến ngày 30/06/2017 của công ty này được cộng hợp vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Chủ sở hữu 79,87% vốn điều lệ của Công ty;
- Các công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Cùng chủ sở hữu;
- Các công ty liên doanh, liên kết của Công ty;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty với các công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)**

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (tương ứng thời gian 120 tháng).

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Máy móc, thiết bị	03 - 12

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính và bản quyền chương trình đào tạo tiếng Anh, được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 - 5 năm đối với phần mềm máy tính và 10 năm đối với bản quyền chương trình đào tạo tiếng Anh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Chi phí chung phân bổ cho các dự án đồng triển khai trên cơ sở kế hoạch doanh thu, chi phí của từng dự án. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nợ phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê trung tâm, chi phí hỗ trợ bản quyền dạy học, chi phí khởi nghiệp ban đầu nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup, chi phí thi công các trung tâm và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê trung tâm thể hiện số tiền thuê đã được trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê. Chi phí hỗ trợ bản quyền dạy học được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng. Chi phí khởi nghiệp được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, các chi phí thi công nội thất các trung tâm, chi phí thuê máy chủ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt (i)	67.221.268.839	171.923.739
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	139.532.914.717	2.053.520.836
Tiền đang chuyển (ii)	7.049.321.508	-
	<u>213.803.505.064</u>	<u>2.225.444.575</u>

Ghi chú:

- (i) Tiền mặt tồn quỹ bao gồm tiền tại 47 trung tâm tiếng Anh với tổng giá trị tại ngày 30/06/2017 là 59.180.280.461 VND.
- (ii) Tiền đang chuyển là tiền đang chuyển giữa các ngân hàng và tiền học viên cả thẻ chưa chuyển về tài khoản Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	4.501.263.400	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kim Cương	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	2.935.558.400	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Thương mại Gia Vũ	150.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Giáo dục Vietkindertech	150.000.000	-
Ban quản lý các dự án - CN Tập đoàn viễn thông quân đội	120.000.000	-
Các đối tượng khác	145.705.000	-
b) Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan	3.235.558.400	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	2.935.558.400	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Thương mại Gia Vũ	150.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Giáo dục Vietkindertech	150.000.000	-

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	56.144.882.645	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Kiến trúc Bộ Ba	52.207.216.733	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	110.000.000	-
Bà Vũ Cẩm La Hương và ông Trần Thanh Hải	-	40.000.000.000
Các đối tượng khác	3.827.665.912	-
b) Trong đó trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	40.000.000.000
Bà Vũ Cẩm La Hương và ông Trần Thanh Hải	-	40.000.000.000

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn là các bên liên quan	42.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Academy (i)	31.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy (i)	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup (i)	1.500.000.000	-

Ghi chú: (i) Gồm các hợp đồng cho vay có tính lãi, kỳ hạn 12 tháng, hợp đồng cho vay không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu khác ngắn hạn	83.471.268.735	-	466.751.667	-
Ký cược, ký quỹ (i)	1.500.000.000	-	-	-
Tạm ứng	1.492.408.890	-	73.000.000	-
Phải thu khác	80.478.859.845	-	393.751.667	-
- CTCP Anh ngữ APAX Academy (ii)	10.700.000.000	-	-	-
- CTCP Tập đoàn Giáo dục Egroup (iii)	2.237.647.222	-	-	-
- CTCP Đầu tư và Phân phối Egame (iv)	57.236.111	-	-	-
- Ông Nguyễn Mạnh Phú (iv)	2.567.739.023	-	-	-
- Ông Nguyễn Ngọc Khánh (iv)	2.437.299.104	-	-	-
- Ông Đặng Văn Hiến (iv)	260.139.000	-	-	-
- Lãi vay dự thu BIDV Thanh Xuân	4.350.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Studynet (v)	191.636.250	-	-	-
- CTCP Anh ngữ APAX Speedy (viii)	503.668.202	-	-	-
- Ông Nguyễn Trường Sơn (vi)	857.500.000	-	-	-
- CTCP Anh ngữ Apax Igarten (viii)	539.826.009	-	-	-
- Ông Đặng Văn Dương (ix)	60.000.000.000	-	-	-
- Ông Nguyễn Trường Sơn	112.229.340	-	-	-
- Các đối tượng khác	9.589.583	-	393.751.667	-
b) Phải thu khác dài hạn	17.100.279.685	-	-	-
Ký cược, ký quỹ (vii)	17.100.279.685	-	-	-

Ghi chú:

- (i) Hợp đồng tiền gửi kỳ hạn 6 tháng tại BIDV Thanh Xuân đang dùng để đảm bảo cho khoản vay như tại Thuyết minh số 21- Vay và nợ thuê tài chính;
- (ii) Phải thu do khoản góp vốn thừa vào Apax Academy;
- (iii) Phải thu lãi theo các thỏa thuận cho vay ngắn hạn và tài trợ không điều kiện;
- (iv) Phải thu lãi theo các thỏa thuận cho vay ngắn hạn;
- (v) Phải thu lãi theo các thỏa thuận cho vay ngắn hạn và gốc khoản cho vay đã hết hạn hợp đồng;
- (vi) Phải thu liên quan đến việc chuyển nhượng vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Studynet. Số phát sinh tăng trong kỳ là lãi phải thu về cho vay ngắn hạn chưa thanh toán;
- (vii) Chủ yếu là khoản ký cược, ký quỹ thuê các trung tâm;
- (viii) Gồm tiền góp vốn thừa và lãi vay phải thu;
- (ix) Phải thu do bán khoản vốn góp tại Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Igarten.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	1.961.413.800	-	-	-
Hàng hoá	7.819.529.289	-	-	-
	9.780.943.089	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	33.424.991.034	-
Chi phí hỗ trợ bản quyền dạy học	23.866.500.000	-
Chi phí thuê trung tâm	7.473.226.431	-
Chi phí bảo hiểm	93.590.614	-
Chi phí công cụ dụng cụ	70.958.875	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.920.715.114	-
b) Dài hạn	73.789.821.268	33.227.645
Chi phí mua bản quyền phần mềm	293.088.387	-
Chi phí đầu tư khởi nghiệp	33.153.983.093	-
Chi phí công cụ dụng cụ	8.277.645.574	33.227.645
Chi phí thi công nội thất	31.339.119.505	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	725.984.709	-

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
Tăng TS tại công ty con (i)	-	8.660.968.520	870.160.000	9.531.128.520
Tăng trong kỳ	67.185.167.778	920.941.450	802.350.909	68.908.460.137
Số dư cuối kỳ	67.185.167.778	9.581.909.970	1.672.510.909	78.439.588.657
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
Tăng TS tại công ty con (i)	-	1.292.454.194	14.502.668	1.306.956.862
Khấu hao trong kỳ	2.711.105.074	1.500.855.401	76.939.290	4.288.899.765
Số dư cuối kỳ	2.711.105.074	2.793.309.595	91.441.958	5.595.856.627
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	64.474.062.704	6.788.600.375	1.581.068.951	72.843.732.030

Ghi chú: (i) Tăng tài sản cổ định hữu hình từ hoạt động đầu tư nắm quyền kiểm soát công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	-	-	-
Tăng TS tại công ty con (i)	30.878.104.035	1.637.464.777	32.515.568.812
Tăng trong kỳ	27.741.200.000	101.505.000	27.842.705.000
Số dư cuối kỳ	58.619.304.035	1.738.969.777	60.358.273.812
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ			
Số dư đầu năm	-	-	-
Tăng TS tại công ty con (i)	3.034.463.225	138.643.162	3.173.106.387
Khấu hao trong kỳ	2.802.501.992	281.133.461	3.083.635.453
Số dư cuối kỳ	5.836.965.217	419.776.623	6.256.741.840
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	52.782.338.818	1.319.193.154	54.101.531.972

Ghi chú: (i) Tăng tài sản cố định hữu hình từ hoạt động đầu tư nắm quyền kiểm soát công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax.

13. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</i>		
Dự án Freetalk	9.803.520.429	-
	9.803.520.429	-

Dự án Freetalk là chương trình dạy tiếng Anh trực tuyến theo hình thức trò chuyện với giáo viên nước ngoài cho trẻ em. Dự kiến thời gian hoàn thành của dự án là 31/12/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (i) VND	Giá gốc VND
a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	224.307.000.000	-	149.204.828.632	284.000.000.000
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	-	-	-	284.000.000.000
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	78.890.000.000	-	50.163.597.561	-
Công ty Cổ phần Studynet	1.960.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Igarten	45.457.000.000	-	31.511.273.148	-
Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax Academy	98.000.000.000	-	67.529.957.923	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	599.100.000	(87.570.000)	511.530.000	853.700.000
<i>Có phiếu niêm yết</i>				
Công ty Cổ phần Xi Măng X18	125.100.000	(87.570.000)	37.530.000	125.100.000
<i>Có phiếu chưa niêm yết</i>				
Công ty Cổ phần May Nam Định	360.000.000	-	360.000.000	360.000.000
Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện	-	-	-	254.600.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Tây Hồ	114.000.000	-	114.000.000	114.000.000
Cộng	224.906.100.000	(87.570.000)	149.716.358.632	284.853.700.000

Ghi chú:

- i. Do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính, nên số liệu trình bày trong chỉ tiêu giá trị hợp lý được tính như sau:
 - Đối với khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: giá trị hợp lý được xác định theo phương pháp vốn chủ sở hữu, phần chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư vào công ty liên kết (đang được ghi nhận trên báo cáo tài chính riêng của công ty con) với giá trị hợp lý được xác định theo phương pháp vốn chủ sở hữu với số tiền 75.102.171.368 VND là lợi thế thương mại phát sinh khi Công ty sở hữu gián tiếp khoản đầu tư vào công ty liên kết của công ty con tại ngày mua và được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ (giá gốc) của khoản đầu tư trên báo cáo hợp nhất mà không phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất;
 - Đối với khoản đầu tư vào đơn vị khác:
 - Đối với cổ phiếu niêm yết được tính theo giá thị trường tương ứng tại ngày lập báo cáo tài chính;
 - Đối với các khoản đầu tư vào công ty chưa niêm yết mà lỗ thì được xác định giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư tài chính do công ty nhận đầu tư bị lỗ;
 - Đối với khoản đầu tư không xác định được dự phòng, giá thị trường thì giá trị hợp lý được trình bày là giá gốc.
- ii. Báo cáo tài chính của các công ty liên doanh, liên kết cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 chưa được kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

b) Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 30/06/2017 như sau:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
I Công ty con					
1	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax (i)	Tp. Hà Nội	68,91%	68,91%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
II Công ty liên kết					
1	Công ty Cổ phần Studynet	Tp. Hà Nội	33,76%	49,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
2	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	Tp. Hà Nội	31,01%	45,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
3	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Igarten	Tp. Hà Nội	28,25%	41,00%	Giáo dục mầm non
4	Công ty cổ phần Anh Ngữ Apax Academy	Tp. Hà Nội	33,76%	49,00%	Giáo dục tiểu học, trung học phổ thông

c) Giao dịch trọng yếu trong kỳ với các công ty liên kết:

	<u>Kỳ này</u> VND
Doanh thu hoạt động tài chính	
- Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	503.668.202
- Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Igarten	539.826.009

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<u>Kỳ này</u> VND
Tại ngày đầu năm	-
Tăng trong kỳ	566.339.206.060
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(4.719.493.384)
Tại ngày cuối kỳ	<u>561.619.712.676</u>

Lợi thế thương mại phát sinh do mua công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax; giá trị lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian 120 tháng (10 năm) kể từ tháng hợp nhất đầu tiên; Giá trị phân bổ kỳ này tương ứng 01 tháng.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	43.447.302.085	43.447.302.085	3.000.000	3.000.000
Chungdahm Learning, Inc	35.127.400.000	35.127.400.000	-	-
Công ty CP In Trường Phát	1.763.698.175	1.763.698.175	-	-
Các đối tượng khác	6.556.203.910	6.556.203.910	3.000.000	3.000.000
b) Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan	35.127.400.000	35.127.400.000	-	-
Chungdahm Learning, Inc	35.127.400.000	35.127.400.000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Tăng khác (i)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND
Phải nộp					
Thuế giá trị gia tăng	249.295	(7.032.000)	3.385.073.676	58.285.383	3.320.005.588
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	208.748.000	208.748.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.785.230.592	6.859.658.009	11.823.994.890	2.785.230.592	18.683.652.899
Thuế thu nhập cá nhân	-	7.383.688.188	18.537.603.696	8.835.200.168	17.086.091.716
Các loại thuế khác	-	6.142.660	54.857.340	61.000.000	-
	2.785.479.887	14.242.456.857	34.010.277.602	11.948.464.143	39.089.750.203

Ghi chú: (i) Tăng khác trong kỳ là các khoản điều chỉnh tăng phần thuế tại Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	77.262.182.834	-
Trích trước chi phí thi công nội thất các trung tâm	73.498.968.029	-
Trích trước chi phí thuê văn phòng	2.177.284.369	-
Trích trước chi phí lãi vay	218.013.757	-
Trích trước chi phí khác	1.367.916.679	-

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	163.104.741.763	-
Tiền học phí thu trước	163.104.741.763	-
b) Dài hạn	67.940.261.154	-
Tiền học phí thu trước	67.940.261.154	-

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	260.311.050.656	164.038.786
Bảo hiểm xã hội	1.737.938.524	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	258.573.112.132	164.038.786
- Lãi vay phải trả Egroup	6.712.328	6.712.328
- Bà Lê Minh Phương (i)	161.878.500.000	-
- Ông Đặng Văn Dương (i)	96.260.400.000	-
- Các đối tượng khác	427.499.804	157.326.458
b) Trong đó phải trả khác là các bên liên quan	6.712.328	6.712.328
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	6.712.328	6.712.328

Ghi chú: (i) Phải trả tiền nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax theo Hợp đồng số 04-OTC/2017/HĐMB ngày 20/06/2017 và Hợp đồng số 03-OTC/2017/HĐMB ngày 20/06/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Tầng 4, Tòa tháp A, Tòa nhà Sky City Tower,
Số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

MẪU SỐ B 09a-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	173.663.936.747	173.663.936.747	299.661.443.865	128.919.474.326	2.921.967.208	-
Công ty chứng khoán MB	-	-	33.754.559.779	33.754.559.779	-	-
Công ty cổ phần chứng khoán Sacombank	-	-	27.416.057.687	27.416.057.687	-	-
Nguyễn Mạnh Phú (ii)	33.025.380.000	33.025.380.000	49.130.080.000	16.104.700.000	-	-
Nguyễn Ngọc Thủy (ii)	31.000.000.000	31.000.000.000	31.000.000.000	-	-	-
Nguyễn Ngọc Khánh (ii)	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-	-
Nguyễn Thị Thanh Nhân (ii)	29.170.000.000	29.170.000.000	29.170.000.000	-	-	-
Nguyễn Trường Sơn (ii)	-	-	26.300.000.000	26.300.000.000	-	-
Trần Thanh Hải (iii)	1.960.000.000	1.960.000.000	1.960.000.000	-	-	-
Trái phiếu phát hành (iv)	7.800.000.000	7.800.000.000	7.800.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Studynet (v)	2.800.000.000	2.800.000.000	-	-	2.800.000.000	-
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (vi)	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Thanh Xuân (vii)	22.847.045.476	22.847.045.476	22.847.045.476	-	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (viii)	7.949.544.063	7.949.544.063	15.906.867.503	7.957.323.440	-	-
Nguyễn Trường Sơn (ix)	1.930.000.000	1.930.000.000	19.250.000.000	17.320.000.000	-	-
Nguyễn Thùy Thương (ix)	500.000.000	500.000.000	500.000.000	-	-	-
Nguyễn Mạnh Phú (ix)	3.560.000.000	3.560.000.000	3.560.000.000	-	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (x)	121.967.208	121.967.208	66.833.420	66.833.420	121.967.208	-
b) Vay dài hạn	416.721.320	416.721.320	-	66.833.420	483.554.740	-
Ngân hàng Tiên Phong Bank (x)	416.721.320	416.721.320	-	66.833.420	483.554.740	-

Ghi chú:

- (i) Tăng khác trong kỳ là khoản điều chỉnh tăng khoản vay tại Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax;
- (ii) Khoản vay ngắn hạn các cá nhân theo các Hợp đồng vay vốn với thời hạn 2 tháng, lãi suất 0%/năm, vay không có tài sản đảm bảo. Mục đích sử dụng khoản vay để mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax;



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Ghi chú (Tiếp theo):

- (iii) Khoản vay ngắn hạn ông Trần Thanh Hải - Phó Tổng Giám đốc Công ty theo 03 hợp đồng vay vốn:
- Hợp đồng vay vốn số 1204/HĐVV/HAI-IBC/2017 ngày 12/04/2017, số tiền 410.000.000 VND, mục đích sử dụng khoản vay để sử dụng cho hoạt động kinh doanh của Công ty, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%/năm, vay không có tài sản đảm bảo;
 - Hợp đồng số 01/HĐVV/HAI-IBC/2017 ngày 02/02/2017, số tiền 1.150.000.000 VND, mục đích sử dụng khoản vay để sử dụng cho hoạt động kinh doanh của Công ty, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 5,8%/năm, vay không có tài sản đảm bảo; và
 - Hợp đồng số 2806/HĐVV/HAI-IBC/2017 ngày 28/06/2017, số tiền 400.000.000 VND, mục đích sử dụng khoản vay để sử dụng cho hoạt động kinh doanh của Công ty, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%/năm, vay không có tài sản đảm bảo.
- (iv) Trái phiếu phát hành theo hợp đồng số 01052017/APAX-TP ngày 08/05/2017 với bà Phạm Thị Lan Hương, lãi suất 14%/năm, ngày đáo hạn là 08/5/2018;
- (v) Vay Công ty Cổ phần Studynet theo Hợp đồng cho vay tiền số 020/HDV-CN/2015/Apax ngày 15/01/2015, lãi suất 0%, thời hạn vay đến 15/10/2017;
- (vi) Vay Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered theo Hợp đồng số 25096520002 ngày 06/03/2017 và Hợp đồng số 25096520001 ngày 02/03/2017 thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 5%/năm, khoản vay không có tài sản đảm bảo;
- (vii) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/8674692/HĐTD ngày 02/06/2017, Thời hạn vay từ 02/06/2017 đến 31/05/2018. Hạn mức tín dụng 100.000.000.000 VND, lãi suất 7,8%/năm, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là bất động sản và hợp đồng tiền gửi của Bà Nguyễn Thị Thu Hương và Ông Nguyễn Ngọc Thủy; hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng của Công ty tại BIDV Thanh Xuân;
- (viii) Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 07/2017/HĐTD/THNC/02 ngày 23/01/2017, hạn mức 8.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức là 1 năm từ 23/01/2017 đến 23/01/2018. Tài sản đảm bảo là đất và tài sản trên đất của cá nhân Ông Nguyễn Ngọc Khánh;
- (ix) Vay cá nhân theo các hợp đồng vay không thời hạn, lãi suất 0%;
- (x) Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo Hợp đồng cho vay số 62/2016/HĐTD/THNC/01 ngày 14/11/2016, thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất từ ngày nhận nợ đến 15/11/2017 là 7.9%/năm. Thời gian tiếp theo đến 15/11/2021: lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần bằng lãi suất cơ sở 3 tháng dành cho khách hàng doanh nghiệp của TPBank tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3.15%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	63.010.600.000	(298.875.129)	-	62.711.724.871
Tăng vốn góp trong năm	250.000.000.000	-	-	250.000.000.000
Lãi trong năm	-	11.864.880.343	-	11.864.880.343
Số dư đầu năm nay	313.010.600.000	11.566.005.214	-	324.576.605.214
Lãi trong kỳ	-	129.064.220.376	4.348.915.783	133.413.136.159
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày mua	-	-	120.313.547.489	120.313.547.489
Số dư cuối kỳ này	313.010.600.000	140.630.225.590	124.662.463.272	578.303.288.862

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	250.000.000.000	250.000.000.000
Ông Trần Thanh Hải	32.760.000.000	32.760.000.000
Các đối tượng khác	30.250.600.000	30.250.600.000
Cộng	313.010.600.000	313.010.600.000

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối
cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	313.010.600.000	63.010.600.000
- Vốn góp đầu kỳ	313.010.600.000	63.010.600.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	313.010.600.000	63.010.600.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.301.060	31.301.060
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	31.301.060	31.301.060
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	31.301.060	31.301.060
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

23. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	83.977.005.926	11.598.970.340
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	1.014.792.000	11.598.970.340
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	82.962.213.926	-
b) Trong đó doanh thu với các bên liên quan	8.635.558.400	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	5.635.558.400	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Thương mại Gia Vũ	1.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Giáo dục Vietkindertech	1.500.000.000	-
	83.977.005.926	11.598.970.340
c) Các khoản giảm trừ doanh thu	(434.500.000)	-
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	(434.500.000)	-
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	83.542.505.926	11.598.970.340

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán hàng hóa	220.200.462	11.525.270.440
Giá vốn cung cấp dịch vụ	16.610.097.915	-
	16.830.298.377	11.525.270.440

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	203.835.102	77.489.882
Lãi bán các khoản đầu tư	8.843.000.000	1.216.000.000
Lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư	-	100.000.000
Doanh thu tài chính khác (i)	90.990.650.000	-
	100.037.485.102	1.393.489.882

Ghi chú: (i) Khoản điều chỉnh giá phí các khoản đầu tư trước đây vào Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax theo giá trị hợp lý tại ngày mua theo quy định tại Điều 15, Thông tư số 202/2014/TT-BTC.

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	263.713.443	6.611.576
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	81.874.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	87.570.000	-
Chi phí tài chính khác	204.746.612	139.708.762
	556.030.055	228.194.338

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	10.042.940.230	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	24.339.810	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.906.507.971	-
Chi phí khác bằng tiền	1.266.180.901	-
Cộng	14.239.968.912	-
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	764.460.110	305.671.625
Chi phí đồ dùng văn phòng	13.508.584	5.554.425
Chi phí khấu hao TSCĐ	52.816.686	18.499.998
Thuế, phí và lệ phí	5.500.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	673.064.985	191.843.439
Lợi thế thương mại phân bổ	4.719.493.384	-
Chi phí bằng tiền khác	526.614.016	201.927.851
	6.755.457.765	727.497.338

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Chi phí nhân công	22.763.542.810	305.671.625
Chi phí khấu hao tài sản cố định	668.894.686	18.499.998
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.405.759.908	197.397.864
Chi phí khác bằng tiền	2.047.833.804	205.927.851
	32.886.031.208	727.497.338

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Lợi nhuận trước thuế	145.237.131.049	511.498.097
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(86.117.156.616)	(298.875.129)
<i>Cộng: Chi phí không được khấu trừ</i>	4.873.493.384	-
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	(90.990.650.000)	-
<i>Chuyển lỗ</i>	-	(298.875.129)
Thu nhập chịu thuế	59.119.974.433	212.622.968
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.823.994.890	42.524.595

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận sau thuế	129.064.220.376	468.973.502
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	129.064.220.376	468.973.502
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	31.301.060	6.301.060
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.123,32	74,43
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

31. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Theo lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty chủ yếu bao gồm: 1. Dịch vụ đào tạo tại các Trung tâm tiếng Anh; 2. Tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư và 3. Hoạt động khác. Trong đó, hoạt động đào tạo tiếng Anh chiếm tỷ trọng lớn nhất (trên 90%) hoạt động của Công ty, các hoạt động còn lại chiếm tỷ lệ không đáng kể. Theo đó, Công ty không lập báo cáo tài chính bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh chủ đạo của Công ty là cung cấp dịch vụ đào tạo tiếng Anh trên địa bàn toàn quốc và chia thành 03 miền: Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam. Trong kỳ, các Trung tâm tiếng Anh đang trong quá trình đầu tư, mới đưa vào hoạt động, hoạt động kinh doanh đang dần ổn định. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý miền.

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	174.080.658.067	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(213.803.505.064)	(2.225.444.575)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	578.303.288.862	324.576.605.214
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,0%	0,0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	213.803.505.064	2.225.444.575
Phải thu khách hàng và phải thu khác	146.080.402.930	393.751.667
Đầu tư tài chính dài hạn	511.530.000	853.700.000
Tổng cộng	360.395.437.994	3.472.896.242
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	174.080.658.067	-
Phải trả người bán và phải trả khác	302.020.414.217	167.038.786
Chi phí phải trả	77.262.182.834	-
Tổng cộng	553.363.255.118	167.038.786

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	213.803.505.064	-	213.803.505.064
Phải thu khách hàng và phải thu khác	128.980.123.245	17.100.279.685	146.080.402.930
Đầu tư tài chính dài hạn	-	511.530.000	511.530.000
Tổng cộng	342.783.628.309	17.611.809.685	360.395.437.994
Số cuối kỳ			
Các khoản vay	173.663.936.747	416.721.320	174.080.658.067
Phải trả người bán và phải trả khác	302.020.414.217	-	302.020.414.217
Chi phí phải trả	77.262.182.834	-	77.262.182.834
Tổng cộng	552.946.533.798	416.721.320	553.363.255.118
Chênh lệch thanh khoản thuần	(210.162.905.489)	17.195.088.365	(192.967.817.124)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.225.444.575	-	2.225.444.575
Phải thu khách hàng và phải thu khác	393.751.667	-	393.751.667
Đầu tư tài chính dài hạn	-	853.700.000	853.700.000
Tổng cộng	2.619.196.242	853.700.000	3.472.896.242
Số đầu năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	167.038.786	-	167.038.786
Tổng cộng	167.038.786	-	167.038.786
Chênh lệch thanh khoản thuần	2.452.157.456	853.700.000	3.305.857.456

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản tại thời điểm 30/06/2017 ở mức cao, tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng ngay sau khi hoàn thành việc tăng vốn (phát hành cho cổ đông hiện hữu và đấu giá cổ phiếu ra công chúng dự kiến hoàn thành ngày 10/08/2017). Công ty sẽ có đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup
 Các công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup
 Công ty Cổ phần Studynet
 Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy
 Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Igarten
 Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax Academy
 Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Chủ sở hữu
 Cùng chủ sở hữu
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Ngoài giao dịch với bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 23 - Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, trong kỳ, Công ty không có giao dịch nào khác với các bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

Ngoài khoản phải thu, phải trả với bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 5 - Phải thu của khách hàng, Thuyết minh số 6 - Trả trước cho người bán, Thuyết minh số 7 - Phải thu về cho vay, Thuyết minh số 16 - Phải trả người bán và Thuyết minh số 20 - Phải trả khác, Công ty có các số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải thu khác	20.352.690.922	-
Công ty Cổ phần Anh ngữ APAX Academy	10.700.000.000	-
Công ty CP Phát triển Giáo dục Igarten	539.826.009	-
Công ty Cổ phần Anh ngữ APAX Speedy	503.668.202	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phân phối Egame	57.236.111	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	2.237.647.222	-
Ông Đặng Văn Hiến	260.139.000	-
Ông Nguyễn Mạnh Phú	2.567.739.023	-
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	2.437.299.104	-
Ông Nguyễn Trường Sơn	857.500.000	-
Công ty Cổ phần Studynet	191.636.250	-
Các thành viên Hội đồng Quản trị và bên liên quan khác cho Công ty vay vốn	104.775.380.000	-
Nguyễn Mạnh Phú	36.585.380.000	-
Nguyễn Ngọc Thùy	31.000.000.000	-
Nguyễn Ngọc Khánh	30.000.000.000	-
Trần Thanh Hải	1.960.000.000	-
Công ty Cổ phần Studynet	2.800.000.000	-
Nguyễn Trường Sơn	1.930.000.000	-
Nguyễn Thùy Thương	500.000.000	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Thu nhập của HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc	348.117.000	136.725.000
Thu nhập từ lãi cho Công ty vay vốn	27.791.667	-
	375.908.667	136.725.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/03/2017 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 12/2017/NQ-HĐQT ngày 29/03/2017, Công ty dự kiến sẽ phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là 30.078.940 cổ phiếu, tổng giá trị phát hành là 300.789.400.000 VND và phát hành cổ phiếu ra công chúng thông qua đấu giá là 7.500.000 cổ phiếu, tổng giá trị phát hành dự kiến là 150.000.000.000 VND. Phương án sử dụng vốn sau điều chỉnh đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông qua tại Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 13/GCN-UBCK ngày 12/04/2017 như sau:


- Đầu tư mua bổ sung 7.573.800 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax với số tiền là 340.821.000.000 VND, tương đương 45.000 VND/ cổ phiếu;
- Đầu tư góp vốn vào dự án của Công ty Cổ phần Phát triển giáo dục Igarten với số tiền là 60.900.000.000 VND;
- Đầu tư góp vốn vào dự án của Công ty Cổ phần Công nghệ làm đẹp Manispa với số tiền là 9.000.000.000 VND;
- Bổ sung vốn lưu động cho Công ty với số tiền là 40.000.000.000 VND.

Theo kết quả đấu giá cổ phiếu ngày 21/7/2017 tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, tổng khối lượng đấu giá thành công là 7,5 triệu cổ phiếu, với tổng giá trị là 165 tỷ đồng.

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 là kỳ đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 được thực hiện bởi Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam.




Vũ Cẩm La Hương
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2017


Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Hải
Người lập